

Số: 141/NQ-HĐND

Uông Bí, ngày 19 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
KHÓA XX - KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ
“Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 211/NQ-HĐND ngày 16/12/2023 của HĐND thành
phố “Về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự
toán chi ngân sách thành phố và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa
phương năm 2024”; Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 05/6/2024 của HĐND
thành phố Uông Bí “Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản
năm 2024”;*

*Xét đề nghị của UBND thành phố tại Tờ trình số 406/TTr-UBND ngày
08/7/2024 “Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024”;
Báo cáo thẩm tra số 123/BC-HĐND ngày 12/7/2024 của Ban kinh tế - xã hội
HĐND thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu HĐND thành phố tại kỳ họp,*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 với các nội dung như sau:

I. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 được phê duyệt tại Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 05/6/2024 của HĐND thành phố là 325.044,652 triệu đồng, gồm:

- Ngân sách Tỉnh là 10 tỷ đồng;
- Ngân sách Thành phố là 315.044,652 triệu đồng, trong đó (1) Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 76.000 triệu đồng; (2) Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 140.000 triệu đồng; (3) Nguồn thu phí danh lam thắng cảnh khu di tích Yên Tử là 23.000 triệu đồng; (4) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường từ khai thác than là 24.600 triệu đồng; (5) nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 chuyển sang năm 2024 dành cho đầu tư xây dựng cơ bản là 51.444,652 triệu đồng.

II. Nội dung điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2024

1. Bổ sung kế hoạch vốn đầu tư năm 2024 là 61.500 triệu đồng, cụ thể:

a) **Bổ sung 1.500 triệu đồng** từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 chuyển sang năm 2024 dành cho đầu tư xây dựng cơ bản và phân bổ cho công trình Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dê Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí;

Lí do điều chỉnh: Công trình đã được HĐND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 05/6/2024; do vậy bổ sung kế hoạch vốn để triển khai thực hiện trong năm 2024.

b) **Bổ sung 60.000 triệu đồng** từ nguồn ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho công trình Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí;

Lí do điều chỉnh: Tại Nghị quyết số 216/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 HĐND Tỉnh đã quyết nghị hỗ trợ vốn thực hiện năm 2024 cho công trình là 60.000 triệu đồng.

2. Điều hòa kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2024 với giá trị là 13.000 triệu đồng, trong đó:

a) Điều chỉnh giảm 13.000 triệu đồng kế hoạch vốn của 02 công trình và 03 nhiệm vụ quy hoạch, cụ thể: (1) Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí là 9.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 56 tỷ đồng¹; (2) Xử lý sạt lở mái ta luy dương đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, TP Uông Bí là 2.000 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 6.000 triệu đồng; (3) Điều chỉnh Quy hoạch phân khu H thành phố Uông Bí là 1.400 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 1.600 triệu đồng; (4) Quy hoạch nút giao giữa đường QL10 - Đường Ven Sông - Đường Yên Tử kéo dài phường phương Nam, thành phố Uông Bí là 100 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 600 triệu đồng; (5) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc hai bên tuyến Quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn TP Uông Bí (từ Km 74+100 đến Km 87) là 500 triệu đồng; kế hoạch vốn sau điều chỉnh là 1.500 triệu đồng;

Lí do điều chỉnh: Các công trình đang được triển khai thực hiện, có nhu cầu vốn giảm so với dự toán ban đầu.

b) **Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn là 13.000 triệu đồng** cho 04 công trình và 06 nhiệm vụ quy hoạch, cụ thể:

(1) Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Trụ sở HĐND&UBND thành phố Uông Bí là 1.000 triệu đồng;

¹ Trong đó (1) Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 50.000 triệu đồng; (2) Nguồn thu phí danh lam thắng cảnh khu di tích Yên Tử là 6.000 triệu đồng.

Lí do điều chỉnh: Công trình đã được HĐND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 111/NQ-HĐND ngày 11/5/2023 và được Tỉnh hỗ trợ 123.000 triệu đồng, do vậy bổ sung kế hoạch vốn để triển khai thực hiện.

(2) Tuyến đường giao thông dẫn vào Trụ sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự thành phố là 3.000 triệu đồng;

(3) Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí là 2.000 triệu đồng;

(4) Chính trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên đoạn từ phố Thanh Sơn đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí là 3.000 triệu đồng;

Lí do điều chỉnh: Các công trình đã được HĐND thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 129/NQ-HĐND ngày 21/7/2023 và số 159/NQ-HĐND ngày 07/11/2023; do vậy bổ sung kế hoạch vốn để triển khai thực hiện.

(5) Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu vực phường Vàng Danh (Phân khu B) tại phường Vàng Danh, TP Uông Bí là 2.000 triệu đồng;

(6) Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu vực Bắc Sơn (phân khu J), tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí là 600 triệu đồng;

(7) Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Tiểu khu G1 thuộc Phân khu G tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí là 600 triệu đồng;

(8) Điều chỉnh cục bộ và lập thiết kế đô thị Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh là 1.300 triệu đồng;

(9) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh là 400 triệu đồng;

(10) Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, nâng cấp trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí là 330 triệu đồng;

Lí do điều chỉnh: Nội dung các Quy hoạch đã được Ban Thường vụ Thành ủy đồng ý thông qua tại các Thông báo kết luận số 1413 - TB/TU ngày 06/3/2024 và Thông báo kết luận số 1429 - TB/TU ngày 27/3/2024; do vậy bổ sung kế hoạch vốn để triển khai thực hiện.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

III. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau khi điều chỉnh bổ sung là 386.544,652 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Tỉnh là 10 tỷ đồng;

- Ngân sách Thành phố là 376.544,652 triệu đồng, trong đó (1) Ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu là 136.000 triệu đồng; (2) Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất là 140.000 triệu đồng; (3) Nguồn thu phí danh lam thắng cảnh khu di tích Yên Tử là 23.000 triệu đồng; (4) Nguồn thu phí bảo vệ môi trường từ khai thác than là 24.600 triệu đồng và (5) nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 chuyển sang năm 2024 dành cho đầu tư xây dựng cơ bản là 52.944,652 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao:

1. UBND thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố và pháp luật về tính pháp lý, tính đầy đủ, chính xác, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu, số liệu; quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư dự án, đảm bảo việc sử dụng vốn đầu tư tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; nâng cao tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công theo đúng chỉ đạo của tỉnh, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; thường xuyên theo dõi, đôn đốc tiến độ và có giải pháp kịp thời để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để đưa dự án công trình vào sử dụng đúng tiến độ nhằm phát huy hiệu quả sau đầu tư. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện dự án theo quy định.

2. Thường trực, các Ban, các Tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XX, kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND Tỉnh (B/c);
- Thường trực Thành ủy (B/c);
- TT HĐND, UBND TP;
- Các ban HĐND, Đại biểu HĐND TP;
- UB MTTQ và các ban, ngành đoàn thể TP;
- Đảng ủy HĐND, UBND các xã, phường;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Chiến Thắng

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2024 SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố Uông Bí)

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành/hành	Quyết định phê duyệt			Kết cấu nguồn vốn			Lũy kế thực hiện đến 31/12/2023						Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh										Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Trong đó		NS Tỉnh hỗ trợ có mức ưu					
										NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố						Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tài trợ ngân sách năm 2023 dành cho dự án						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22				
	TỔNG CỘNG	80						1.610.986	1.610.986	646.970	964.016	923.627	813.032	372.990	440.042	326.545	10.000	316.545	140.000	23.000	24.600	52.945	76.000					
A	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH	9						225.632	225.632	100.000	125.632	216.068	105.473	0	105.473	14.089		14.089	3.463			10.626						
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	8						223.172	223.172	100.000	123.172	213.702	103.373	0	103.373	13.823		13.823	3.463			10.360						
1	Trường Tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí (mở rộng)	1	7946727	799	072	10834	13/12/2021	4.000	4.000		4.000	3.750	3.750		3.750	133		133	133,358					Đã PDQT				
2	Nâng cấp vỉa hè, đường giao thông, rãnh thoát nước khu 4 phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	7946724	799	292	10840	13/12/2021	3.821	3.821		3.821	3.500	3.500		3.500	48		48	48,239					Đã PDQT				
3	Nâng cấp đường bê tông, rãnh thoát nước khu Hợp Thành, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7954757	799	292	1363	16/3/2022	3.688	3.688		3.688	3.250	3.250		3.250	250		250	250									
4	Chỉnh trang tuyến đường Trần Hưng Đạo đoạn từ Thành ủy, HĐND và UBND Thành phố đến ngã tư Trần Phú, thành phố Uông Bí	1	7968489	799	312	4373	20/6/2022	14.999	14.999		14.999	12.500	12.500		12.500	1.700		1.700	1.700									
5	Hầm chui dân sinh qua tuyến đường sắt Yên Viên - Hà Long tại Km 77+362, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	7972532	799	292	4372	20/6/2022	5.500	5.500		5.500	4.700	4.700		4.700	624		624	624,013					Đã PDQT				
6	Đầu nối hạ tầng giao thông phía Nam dự án Khu dân cư đô thị Công Thành đoạn cuối tuyến đường đối của dự án với khu dân cư hiện trạng và thảm asphan khu dân cư hiện trạng	1	7810984	799	312	8858	30/10/2019	10.000	10.000		10.000	6.018	4.000		4.000	2.018		2.018				2.018,267		Đã PDQT				
7	Nâng cấp, cải tạo trung tâm tổ chức hội nghị thành phố Uông Bí	1	7855957	799	341	7453a	26/10/2019	9.000	9.000		9.000	8.687	7.790		7.790	896		896				896,459		Đã PDQT				
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Dốc đỏ Yên Tử đoạn Km 0+000 đến Km 3+100, thành phố Uông Bí	1	7747075	799	292	7042	31/10/2018	172.164	172.164	100.000	72.164	171.297	63.882		63.882	8.153		8.153	707,662			7.445,473		Đã PDQT				
	UBND phường Phương Đông	1						2.460	2.460		2.460	2.366	2.100		2.100	266		266				266						
1	Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường từ QL18A đến nhà ông Hương tổ 3, khu Tân Lập, phường Phương Đông	1	7171188	760	292	6022	14/9/2022	2.460	2.460		2.460	2.366	2.100		2.100	266		266				265,968		Đã PDQT				
B	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP NĂM 2023	25						985.157	985.157	546.970	438.187	701.861	701.861	372.990	328.871	151.037	10.000	141.037	24.637	6.000	16.700	17.700	76.000					
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	24						568.187	568.187	130.000	438.187	328.871	328.871	0	328.871	141.037		141.037	24.637	6.000	16.700	17.700	76.000					
1	Đường giao thông đoạn từ quốc lộ 10 đến chợ Công khu Hiệp An 2 phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7969459	799	292	4371	20/6/2022	25.000	25.000		25.000	21.300	21.300		21.300	1.000		1.000	1.000									
2	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí	1	7918403	799	292	10903	13/12/2021	289.758	289.758	130.000	159.758	206.768	206.768		206.768	56.000		56.000		6.000				50.000				

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023				Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh							Ghi chú				
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tăng số	Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiến sử dụng đất	Phí Yên Từ	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than		Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 đánh cho	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu		
									NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố											
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
3	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của Trường THPT Ưng Bi, thành phố Ưng Bi	1	7998646	799	074	7643/4096	30/11/2022; 10/8/2023	116.855	116.855		116.855	40.000	40.000			40.000	26.000	26.000						26.000	
4	Kê dả khu 1 (giáp vườn hoa đầu cầu Lân Tháp), phường Vang Danh, thành phố Ưng Bi	1	8016383	799	312	581	23/02/2023	1.038	1.038		1.038	813	813			813	174	174	174			173.623			Đã PDQT
5	Tuyến kè và mương thoát nước thuộc thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công, thành phố Ưng Bi	1	8019575	799	312	850	14/3/2023	2.866	2.866		2.866	2.245	2.245			2.245	250	250	250			250.443			Đã PDQT
6	Cải tạo nâng cấp vỉa hè đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cầu Trắng đến cầu Chui, phường Vang Danh, thành phố Ưng Bi	1	8019573	799	312	858	14/3/2023	2.815	2.815		2.815	2.600	2.600			2.600	168	168	168			167.629			Đã PDQT
7	Hệ thống điện chiếu sáng liên khu 6, khu 8, phường Vang Danh, thành phố Ưng Bi	1	8019574	799	312	856	14/3/2023	982	982		982	900	900			900	13	13	13			13.210			Đã PDQT
8	Hệ thống điện chiếu sáng hai bên đường liên huyện Ưng Bi – Hoàng Bồ phường Vang Danh, thành phố Ưng Bi	1	8019692	799	312	857	14/3/2023	552	552		552	500	500			500	10	10	10			9.731			Đã PDQT
9	Chính trang tuyến đường Lũng Xanh đoạn từ ngã tư Trần Phú đến dốc Lũng Xanh, thành phố Ưng Bi	1	8035243	799	312	810	10/3/2023	49.767	49.767		49.767	26.945	26.945			26.945	15.537	15.537	15.537			8.000			
10	Chính trang, cải tạo, nâng cấp đường giao thông, hệ thống thoát nước tổ 32, 33 khu 9 phường Quang Trung, thành phố Ưng Bi	1	8036363	799	312	3537	05/7/2023	4.943	4.943		4.943	4.000	4.000			4.000	500	500	500			500			
11	Nâng cấp, cải tạo Nhà bia, Đài tưởng niệm liệt sỹ phường Phương Nam, thành phố Ưng Bi	1	8036365	799	371	3586	06/7/2023	1.594	1.594		1.594	1.200	1.200			1.200	300	300	300						
12	Tuyến đường từ Quốc lộ 18 cũ vào Trường tiểu học Phương Đông A, phường Phương Đông, thành phố Ưng Bi	1	8036366	799	292	3799	20/7/2023	7.607	7.607		7.607	3.100	3.100			3.100	3.600	3.600	3.600						
13	Trường tiểu học Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn	1	8052993	799	071	5209	17/10/2023	7.884	7.884		7.884	2.000	2.000			2.000	5.100	5.100	5.100						
14	Cải tạo, nâng cấp Nhà hát khu vực Miền Tây tỉnh Quảng Ninh	1	8035845	799	161	6213	06/11/2023	14.417	14.417		14.417	3.500	3.500			3.500	10.100	10.100	2.100			8.000			
15	Chính trang phố Hòa Bình đoạn từ đường Trần Nhân Tông đến QL 18A, TP Ưng Bi	1	8053005	799	312	5210	17/10/2023	9.360	9.360		9.360	2.200	2.200			2.200	4.500	4.500	1.200			3.300			
16	Chính trang đường Phú Thanh Tây đoạn từ QL 18 đến Nhà văn hóa phường Yên Thanh, thành phố Ưng Bi	1	8053004	799	312	5231	18/10/2023	13.565	13.565		13.565	3.500	3.500			3.500	8.100	8.100	1.700			6.400			
17	Nhà văn hóa khu 2, phường Thanh Sơn, thành phố Ưng Bi	1	8052994	799	161	5117	12/10/2023	2.801	2.801		2.801	1.000	1.000			1.000	1.600	1.600	1.600						
18	Kè chống sạt lở đoạn bờ suối khu 8, Bắc Sơn, thành phố Ưng Bi	1	8052995	799	312	5189	16/10/2023	10.094	10.094		10.094	2.500	2.500			2.500	6.000	6.000				6.000			
19	Tuyến đường nối đồng cửa ông Bầu thôn Năm Mẫu 1, xã Thượng Yên Công	1	8053025	799	292	4514	12/9/2023	1.058	1.058		1.058	700	700			700	300	300	300			300			

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt		Kế toán nguồn vốn					Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023					Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh					Ghi chú	
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó	NS Tỉnh	NS Thành phố	Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yên Tử	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tài trợ ngân sách năm 2023 dành cho dự án	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu		
														NS Tỉnh	NS Thành phố									
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
20	Tuyến đường xóm ông Phương thôn Năm Mẫu 2, xã Thượng Yên Công	1	8052998	799	292	5041	09/10/2023	347	347		347	200	200			200	100	100				100		
21	Tuyến đường nối đồng Một Mẫu, thôn Tập Đoàn, xã Thượng Yên Công	1	8052999	799	292	5042	09/10/2023	648	648		648	400	400			400	200	200				200		
22	Tuyến đường của ông Mai thôn Khe Sủ 2, xã Thượng Yên Công	1	8053000	799	312	5068	10/10/2023	414	414		414	300	300			300	100	100				100		
23	Rãnh thoát nước tổ 7 khu 2, phường Vàng Danh	1	8053001	799	312	5069	10/10/2023	1.147	1.147		1.147	700	700			700	385	385				385,364		
24	Mương thoát nước khu 5A, phường Vàng Danh	1	8053002	799	312	5133	12/10/2023	2.676	2.676		2.676	1.500	1.500			1.500	1.000	1.000				1.000		
II	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố	I						416.970	416.970		416.970	372.990	372.990			372.990	10.000	10.000						
1	Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn I)	1	7918346	799	292	2305T	14/7/2021	416.970	416.970		416.970	372.990	372.990			372.990	10.000	10.000						
C	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG NĂM 2024	33						375.900	375.900		375.900	1.200	1.200			1.200	151.618	151.618				7.900	24.618	
I	BQLDA Đầu tư xây dựng	14						375.900	375.900		375.900	1.200	1.200			1.200	139.468	139.468				7.900	12.468	
1	Chỉnh trang tuyến phố Hoàng Quốc Việt đoạn từ cầu Trung Đoàn đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052996	799	312	5131	12/10/2023	65.000	65.000		65.000	400	400			400	50.000	50.000						
2	Xử lý điểm sụt trượt tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí	1	8019578	799	312	851	14/3/2023	9.000	9.000		9.000	400	400			400	7.000	7.000				7.000		
3	Sửa chữa kẻ suối Vàng Danh đoạn từ cầu Miếu Thán 2 đến cầu Khe Mai, phường Vàng Danh	1	8066427	799	312	7113	11/12/2023	920	920		920						900	900				900		
4	Chỉnh trang đồ thị tại khu vực đồi Đình Viên thuộc khu 4, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí	1	8066428	799	312	7236	12/12/2023	3.719	3.719		3.719						3.000	3.000						
5	Sửa chữa, xây dựng một số công trình tại các trường mầm non, tiểu học, THCS công lập trên địa bàn thành phố Uông Bí	1	8066429	799	071	7239	12/12/2023	12.662	12.662		12.662						10.000	10.000						
6	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052997	799	312	7225	12/12/2023	60.000	60.000		60.000	400	400			400	42.100	42.100						
7	Xử lý sạt lở mái ta luy đường đường hành hương vào khu di tích Yên Tử và di tích Ngọa Vân đoạn ngã ba cầu Vành Lược, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1	8066430	799	312	7317	14/12/2023	10.424	10.424		10.424						6.000	6.000				6.000		
8	Trường Mầm non Phương Nam, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	8066426	799	071	7219	12/12/2023	14.600	14.600		14.600						6.000	6.000					6.000	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023				Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh							Ghi chú			
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Ngân sách tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phi Yếu tố	Phi Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tài trợ ngân sách năm 2023 dành cho dự án	NS Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu				
											NS Tỉnh	NS Thành phố												
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
9	Xây dựng nhà bia liệt sỹ, phường Nam Khê, thành phố Uông Bí	1	8088199	799	371	2477	24/4/2024	11.000	11.000		11.000					4.968		4.968					4.968,485	
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tuyến đường Quốc lộ 18A cũ đoạn từ cầu Dê Nâu đến ngã tư đường Yên Tử, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí	1	8093284	799	292			5.000	5.000		5.000					1.500		1.500					1.500	
11	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Tru sở HEND&UBND thành phố Uông Bí	1	8085923	799	341	3306	14/6/2024	146.975	146.975		146.975					1.000		1.000			1.000			
12	Tuyến đường giao thông dẫn vào Tru sở Doanh trại Ban chỉ huy quân sự Thành phố	1	8093285	799	292			13.000	13.000		13.000					2.000		2.000			2.000			
13	Cải tạo trường Trung học phổ thông Hoàng Văn Thụ, thành phố Uông Bí	1	8093286	799	074			10.100	10.100		10.100					2.000		2.000			2.000			
14	Chỉnh trang đường giao thông phía Nam hồ Công Viên du lịch từ phố Thanh Sơn đến phố Xuân Diệu, thành phố Uông Bí	1	8095184	799	312			13.500	13.500		13.500					3.000		3.000			3.000			
II	Hỗ trợ UBND các xã, phường thực hiện	19							24.297		24.297		4.498	0	4.498	9.800		9.800	6.800	3.000			12.150	
D	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH	13							24.297		24.297		4.498	0	4.498	9.800		9.800	6.800	3.000				
1	Cải tạo, chỉnh trang cột đồng hồ phường Quang Trung, thành phố Uông Bí	1	8053003	799	312	4462	31/8/2023	670	670		670	298	298		298	300		300	300					
2	Chỉnh trang tuyến phố Thanh Sơn đoạn từ ngã 7 đường Trần Hưng Đạo đến đường Tuệ Tĩnh thành phố Uông Bí	1	8052997	799	312	78	09/01/2023	500	500		500	400	400		400	100		100	100					
3	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu H thành phố Uông Bí	1	8059967	619	332	2536	17/8/2023	5.878	5.878		5.878	1.800	1.800		1.800	1.600		1.600	1.600					
4	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình của Tru sở HEND&UBND thành phố Uông Bí	1	8059966	619	332	3087	16/6/2023	525	525		525	200	200		200	300		300	300					
5	Quy hoạch nút giao giữa đường QL10 - Đường Ven Sông - Đường Yên Tử kéo dài phường phường Nam, thành phố Uông Bí	1	8054076	619	332	3614	07/7/2023	1.107	1.107		1.107	300	300		300	600		600	600					
6	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, chỉnh trang vỉa hè, cây xanh hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc hai bên tuyến Quốc lộ 18A đoạn qua địa bàn TP Uông Bí (từ Km 74+100 đến Km 87)	1	8054077	619	332	3587	06/7/2023	3.653	3.653		3.653	1.200	1.200		1.200	1.500		1.500	1.500					
7	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 cải tạo, chỉnh trang hệ thống vườn hoa, cây xanh khu vực trung tâm và tại các vị trí cửa ngõ Thành phố	1	8059069	619	332	5299	20/10/2023	793	793		793	300	300		300	400		400	400					
8	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị phường Vàng Danh thành phố Uông Bí (Phần khu B) tại phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí	1		619	332	3308	14/6/2024	4.964	4.964		4.964					2.000		2.000	2.000					



STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt				Kế cấu nguồn vốn				Lấy kế thực hiện đến 31/12/2023				Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2024 sau điều chỉnh								Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Giá trị khối lượng	Tổng số	Trong đó		Ngân sách Tỉnh	Ngân sách Thành phố	Tiền sử dụng đất	Phí Yên Từ	Phí Bảo vệ môi trường từ khai thác than	Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho mục tiêu						
									NS Tỉnh	NS Thành phố			NS Tỉnh	NS Thành phố												
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
9	Điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 khu vực Bắc Sơn, thành phố Uông Bí (phần khu J)	1		619	332	3309	14/6/2024	1.608	1.608		1.608						600	600	600							
10	Điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Tiểu khu G1 thuộc Phân khu G tại phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1		619	332	3310	14/6/2024	946	946		946						370	370	370							
11	Điều chỉnh cục bộ và lập thiết kế đồ thi Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu Trung tâm thành phố, tại phường Quang Trung và phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1		619	332	2289	08/4/2024	2.700	2.700		2.700						1.300	1.300	1.300							
12	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu tái định cư tại khu 6, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	1		619	332	1216	01/4/2024	545	545		545						400	400	400							
13	Tổng mặt bằng Quy hoạch đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp cải tạo trường mầm non Bắc Sơn tại phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	1		619	332	2209	02/4/2024	408	408		408						330	330	330							

DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỖ TRỢ UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỬ TRI

(Kèm theo Nghị quyết số 141/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố Uông Bí)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương	Mã ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD)	Ghi chú
						Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	19						22.752	12.150	
	UBND phường Yên Thanh	1						2.800	1.500	
1	Sửa chữa Nhà làm việc, Hội trường và các hạng mục phụ trợ Trụ sở UBND phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	1	7171182	760	341	117 Phường	21/5/2024	2.800	1.500	
	UBND phường Phương Nam	1						800	550	
1	Lắp đặt màn hình Led tại hội trường UBND phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	1	7171190	760	341	182 Phường	14/5/2024	800	550	
	UBND phường Trưng Vương	8						11.941	6.200	
1	Mở rộng, nâng cấp, cải tạo tuyến kênh mương nội đồng đoạn từ nhà ông Tài đến hết Cổng Baza khu Đền Công 2, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	283	34 Phường	24/01/2024	2.766	1.400	
2	Đường bê tông, rãnh thoát nước tổ 2 khu 1, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33 Phường	22/01/2024	1.971	1.000	
3	Sửa chữa cải tạo tuyến phố Cổ Linh đến đường Đền Công khu Đền Công 1, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	36 Phường	24/01/2024	2.195	1.100	
4	Đường bê tông, rãnh thoát nước ngõ 14, tổ 41, khu 7, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33A Phường	22/01/2024	561	300	
5	Sửa chữa Trụ sở HĐND&UBND phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	341	110 Phường	21/5/2024	1.100	600	
6	Xây dựng rãnh thoát nước từ nhà văn hóa khu Đền Công 2 đến Cổng Baza, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	312	328 Phường	31/12/2023	1.128	650	
7	Đường bê tông, rãnh thoát nước từ trạm y tế đến đầu nối đường Cổ Linh Khu Đền Công 1, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí	1	7171335	760	292	33B Phường	22/01/2024	1.099	550	
8	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường, vỉa hè từ nhà ông Năng đến Trạm bơm nước khu Đền Công 1, phường Trưng Vương	1	7171335	760	292	327 Phường	31/12/2023	1.120	600	
	UBND phường Vàng Danh	9						7.211	3.900	
1	Lắp đặt màn hình led và sửa chữa hội trường, cải tạo khuôn viên trụ sở UBND phường Vàng Danh	1	7171160	760	341	162 Phường	26/4/2024	1.391	700	
2	Điện chiếu sáng tuyến đường từ Đập tràn Miếu Thán đến khu Tái định cư Máng Lao, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	154 Phường	26/4/2024	547	350	
3	Nạo vét, cải tạo rãnh thoát nước qua trường tiểu học Trần Phú và trường THPT Hoàng Văn Thụ, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	160 Phường	26/4/2024	516	250	
4	Kè chống sạt lở phía sau Nhà văn hoá khu 1, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	158 Phường	26/4/2024	895	450	

STT	Danh mục dự án	Số lượng công trình	Mã dự án	Mã chương ngành	Quyết định phê duyệt			Kế hoạch vốn năm 2024 (Nguồn tăng thu ngân sách năm 2023 dành cho ĐTXD)	Ghi chú
					Số QĐ	Ngày tháng năm	Tổng mức đầu tư		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	8
5	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 2, khu 8, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	156 Phường	26/4/2024	743	400
6	Điện chiếu sáng đường dân sinh khu 1 đoạn từ đường tàu cút đến cầu Lán Thấp, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	157 Phường	26/4/2024	843	450
7	Điện chiếu sáng tuyến đường liên khu 5a, khu 5b, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	155 Phường	26/4/2024	295	200
8	Điện chiếu sáng tuyến đường dân sinh tổ 1, khu 3, phường Vàng Danh	1	7171160	760	312	159 Phường	26/4/2024	231	200
9	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh, rãnh thoát nước tổ 1, khu 5A, phường Vàng Danh	1	7171160	760	292	161 Phường	26/4/2024	1.750	900